

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **979/2017/KDTM-PT**

Ngày: 31/10/2017

V/v tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Phú

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hồng Ân

Bà Nguyễn Thị Lang

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Thu Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Thân Trọng Minh Phương, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24 và 31 tháng 10 năm 2017, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, đã xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 79/2017/TLPT-KDTM ngày 28 tháng 8 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 529/2017/KDTM-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N bị kháng cáo

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 787/2017/QĐ-PT ngày 11 tháng 9 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC

Địa chỉ: 37 TĐT, phường BN, Quận A, TPHCM

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Hoàng H, đại diện theo ủy quyền (được ủy quyền theo Giấy ủy quyền số 35.2014/GUQ-L&C ngày 27/8/2014) (Có mặt)

Bị đơn: Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP

Địa chỉ: 98 PVC, Phường 7, quận N, TPHCM

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Trần Thị HB

Địa chỉ: 157Bis TQT, Phường 9, Quận C, TPHCM

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

+ Bà Trần NP

Địa chỉ: 98 PVC, Phường 7, quận N, TPHCM

(Vắng mặt)

Người kháng cáo: Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm:

- Nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC và Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP có ký kết với nhau Hợp đồng cho thuê tài chính số A121026302 ngày 25/10/2012 về việc cho Công ty ĐP thuê một máy thổi chai tự động BX-S2 và Hợp đồng cho thuê tài chính số A130102802 ngày 20/3/2013 về việc cho thuê 01 máy sản xuất phôi nhựa PET; 01 máy sấy nhựa PET; 01 máy làm lạnh nước; 01 máy băm nhựa.

Thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính số A121026302, Công ty C đã mua tài sản thuê, tổng giá trị theo Thông báo bắt đầu thuê là 599.876.453 đồng. Trong đó, Công ty C cho thuê với giá trị thuê là 451.151.164 đồng, Công ty ĐP góp (trả trước) số tiền 148.725.289 đồng. Thời hạn thuê là 30 tháng, kể từ ngày 18/01/2013 đến ngày 15/7/2015. Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 22/01/2013.

Thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính số A130102802, Công ty C đã mua các tài sản thuê, tổng giá trị là 2.380.425.228 đồng. Trong đó, Công ty C cho thuê với giá trị thuê là 1.793.328.056 đồng, Công ty ĐP góp (trả trước) số tiền 587.097.172 đồng. Thời hạn thuê là 48 tháng, kể từ ngày 02/8/2013 đến ngày 25/8/2017. Hợp đồng được đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 02/8/2013.

Nhằm bảo đảm về việc cho thuê, Công ty C đã chấp nhận thư bảo lãnh cá nhân của bà Trần NP và bà Trần Thị HB.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng thuê, Công ty ĐP thường xuyên thanh toán tiền thuê không đúng hạn nên căn cứ vào Điều 26 Hợp đồng thuê, Công ty C đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi tài sản thuê vào ngày 11/4/2014.

Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty ĐP trả số tiền còn nợ của các hợp đồng cho thuê tài chính nói trên.

Trong thời gian Tòa án đang giải quyết vụ án, các bên đã tiến hành thanh lý Hợp đồng cho thuê tài chính A121026302 và thanh lý một phần Hợp đồng số A130102802.

Đối với Hợp đồng thuê số A130102802 ngày 20/3/2013, Công ty C yêu cầu Công ty ĐP thanh toán số tiền 2.447.174 đồng, bao gồm tiền thuê, tiền lãi thuê trong hạn, tiền phí thuê kho bãi, tiền lãi quá hạn và tiền phạt theo hợp đồng.

- Bị đơn trình bày:

Đồng ý với những yêu cầu của nguyên đơn về việc ký kết, thực hiện Hợp đồng cho thuê Tài chính số A130102802, cụ thể đồng ý các khoản: 1.322.411.103 đồng tiền gốc; 96.435.841 đồng lãi thuê trong hạn; 6.999.199 đồng lãi quá hạn tính đến ngày chấm dứt hợp đồng; 72.148.005 đồng tiền phạt vi phạm (gồm 4.895.615 đồng phạt do chậm thanh toán và 67.252.390 đồng phạt do chấm dứt trước hạn); 44.037.014 đồng giá trị còn lại; 48.800.000 đồng tiền phí vận chuyển và phí gửi giữ tài sản.

Tuy nhiên, bị đơn không đồng ý trả tiền lãi quá hạn từ khi chấm dứt hợp đồng 16/4/2014 đến ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2017) là 1.090.460.248 đồng vì kể từ khi hợp đồng chấm dứt sẽ không phát sinh quyền và nghĩa vụ của hai bên nữa, đồng thời công ty đã phải chịu những khoản phạt vi phạm hợp đồng từ khi chấm dứt hợp đồng rồi thì việc tính thêm lãi quá hạn là không đúng.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà P và bà B ủy quyền cho ông Phan Văn Đ đại diện) trình bày:

Đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn về nghĩa vụ bảo lãnh của bà P và bà B trong trường hợp Công ty ĐP không thanh toán được nợ cho Công ty C.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 529/2017/KDTM-ST ngày 13 tháng 6 năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định:

- Buộc Công ty ĐP trả cho Công ty C số tiền 2.447.174.220 đồng. Trường hợp không trả đủ số tiền trên, Công ty ĐP có trách nhiệm trả lại tài sản thuê gồm máy sấy nhựa PET và máy bơm nhựa để tiến hành xử lý tài sản thuê, thanh toán tiền cho Công ty C.

- Bà Trần Thị HB và bà Trần NP phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Công ty C trong trường hợp Công ty ĐP không thanh toán đủ số tiền trên cho Công ty C.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty ĐP còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

Công ty ĐP phải chịu án phí sơ thẩm 80.943.484 đồng.

Ngày 22 tháng 6 năm 2017, Công ty ĐP đã nộp đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối

với số tiền lãi phạt quá hạn 1.090.460.248 đồng và Công ty ĐP không phải chịu án phí đối với số tiền lãi phạt quá hạn này.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay :

- Nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Công ty ĐP, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

+ Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về phía các đương sự, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm.

+ Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi quá hạn của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận tại Điều 26.3.1 của Hợp đồng cho thuê tài chính giữa các bên.

Do đó, kháng cáo của Công ty ĐP là không có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến trình bày của đại diện hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về việc vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa phúc thẩm:

Công ty ĐP (đương sự kháng cáo) và bà Trần Thị HB (đương sự không kháng cáo) đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bà Trần NP (đương sự không kháng cáo) đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm vẫn tiến hành xét xử vụ án để xét kháng cáo của Công ty ĐP.

[2] Xét kháng cáo của Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP yêu cầu Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa một phần bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền lãi quá hạn 1.090.460.248 đồng và Công ty ĐP không phải chịu án phí đối với số tiền lãi quá hạn này:

Yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền lãi quá hạn trên số tiền vốn gốc chưa thanh toán tính từ ngày chấm dứt hợp đồng (16/4/2014) đến ngày xét xử sơ thẩm (13/6/2014) theo mức lãi suất quá hạn 22,88%/năm (bằng 1,5 lần lãi suất thuê tại thời điểm chấm dứt hợp đồng 15,25/năm) là 1.090.460.248 đồng và tiền lãi quá hạn tính từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm đến ngày trả hết nợ gốc là phù hợp với thỏa thuận tại Mục 26.3.1 Khoản 26.3 Điều 26 của Hợp đồng cho thuê

tài chính số A130102802 ký ngày 20/3/2013 giữa hai bên và thỏa thuận này phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên có căn cứ để chấp nhận, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt hợp đồng là có cơ sở.

Trình bày về căn cứ của việc kháng cáo trong Đơn kháng cáo, Công ty ĐP cho rằng tiền lãi quá hạn nói trên là tiền phạt vi phạm và nguyên đơn áp dụng mức lãi suất 22,88%/năm để tính tiền phạt là trái với quy định tại Điều 301 Luật Thương mại (quy định mức phạt không được vượt quá 8% giá trị phần nghĩa vụ bị vi phạm), đồng thời cho rằng hợp đồng đã bị đơn phươg chấm dứt nên việc Công ty C tiếp tục tính lãi phạt quá hạn theo hợp đồng là không có cơ sở.

Ý kiến nói trên của Công ty ĐP là không có căn cứ vì tại Mục 26.3.1 Khoản 26.3 Điều 26 của Hợp đồng cho thuê tài chính đã dẫn ở trên, các bên đã thỏa thuận: *“Nếu không thanh toán đúng hạn, Bên Thuê phải thanh toán tiền lãi quá hạn trên số tiền vốn gốc chưa thanh toán với mức lãi suất bằng 1,5 lần Lãi suất thuê tại ngày chấm dứt Hợp đồng thuê và được tính kể từ ngày chấm dứt Hợp đồng thuê cho tới khi toàn bộ Giá Trị Tổng Thất được thanh toán đầy đủ”*. Lãi suất thuê tại thời điểm chấm dứt hợp đồng thuê đã được các bên thống nhất xác nhận ở cấp sơ thẩm là 15,25%/năm và Công ty ĐP cũng không có kháng cáo về vấn đề này. Do đó, mức lãi suất 22,88%/năm (bằng 15,25%/năm x 1,5) mà Công ty C áp dụng để tính lãi quá hạn là phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng. Thỏa thuận này không phải là thỏa thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng và nguyên đơn cũng xác định số tiền 1.090.460.248 đồng nói trên là tiền lãi quá hạn được tính theo thỏa thuận tại Khoản 26.3.1 Điều 26 của hợp đồng, không phải là tiền phạt vi phạm nên không thể áp dụng Điều 301 Luật Thương mại năm 2005 quy định về mức phạt vi phạm để cho rằng thỏa thuận này là trái pháp luật và từ đó không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Do đó, cần giữ nguyên phần bản án sơ thẩm bị kháng cáo liên quan đến yêu cầu của nguyên đơn đòi tiền lãi quá hạn tính từ ngày chấm dứt hợp đồng đến ngày trả hết nợ gốc.

Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

[3] Về các đơn đề nghị xem xét lại bản án sơ thẩm của Công ty ĐP và bà Trần Thị HB nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm sau khi đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm:

Ngày 19/10/2017, sau khi Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý hồ sơ và có quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm, Công ty ĐP có nộp “Đơn kêu cứu” (đề ngày 16/10/2017) và “Đơn đề nghị” (đề ngày 16/7/2017) với cùng nội dung đề nghị Tòa phúc thẩm xem xét lại phần chênh lệch giá 1.735.326.520 đồng do bán lỗ tài sản thuê khi Công ty C thu hồi tài sản để xử lý do Công ty ĐP vi phạm nghĩa vụ thanh toán trước đây, sửa bản án sơ thẩm theo hướng Công ty ĐP không có nghĩa vụ trả số tiền chênh lệch giá nói trên và không có nghĩa vụ trả lãi và lãi phạt của phần giá trị máy mà Công ty C đã thu hồi.

Cùng ngày 19/10/2017, bà Trần Thị HB (đương sự không có kháng cáo) có nộp “Đơn kêu cứu khẩn cấp” (đề ngày 16/10/2017) đề nghị Tòa phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm đề hai người bảo lãnh là bà và bà Trần NP không phải trả nợ thay cho Công ty ĐP do trước đây khi ký bảo lãnh, bà đã không xem xét kỹ và nay tuổi đã cao, không còn làm việc được nữa.

Do các đơn đề nghị nói trên đều được nộp cho Tòa án sau khi đã hết thời hạn kháng cáo theo quy định tại Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự (15 ngày kể từ ngày tuyên án 13/6/2017 đối với Công ty ĐP và 15 ngày kể từ ngày tổng đạt bản án 31/7/2017 đối với bà B) và nội dung đề nghị xem xét lại trong đơn nộp ngày 19/10/2017 của Công ty ĐP vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu của công ty nên theo quy định về phạm vi xét xử phúc thẩm tại Điều 293 và quy định về việc thay đổi kháng cáo tại Khoản 3 Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử phúc thẩm không có thẩm quyền xem xét các nội dung trình bày trong các đơn đề nghị nói trên.

[4] Về án phí:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 147, Khoản 1 Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, các điều 5, 18, 27 và 30 của Pháp lệnh Án phí, lệ phí Tòa án và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Công ty ĐP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải trả cho Công ty C.

- Công ty C không phải chịu án phí sơ thẩm nên được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Về án phí dân sự phúc thẩm: Do Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là Công ty ĐP phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

1. Không chấp nhận kháng cáo của Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP, giữ nguyên bản án sơ thẩm, tuyên xử :

- Buộc Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP trả cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC số tiền phát sinh từ Hợp đồng cho thuê tài chính số A130102802 ký ngày 20/3/2013 giữa hai bên là 2.447.174.220 (hai tỷ bốn trăm bốn mươi bảy triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn hai trăm hai mươi) đồng; trong đó, nợ gốc là 1.322.411.103 đồng, phần còn lại là các khoản tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn, tiền phạt vi phạm, phí vận chuyển, gửi giữ tài sản và giá trị còn lại, sau khi trừ số tiền ký cược bảo đảm.

Trường hợp không trả đủ số tiền trên, Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP có trách nhiệm trả lại cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC tài sản thuê gồm máy may sấy nhựa PET (Model: VMD-750L/400A, số seri: DF2013000975) và máy băm nhựa (Model: G1-300A, số seri: CH2013000127) để tiến hành xử lý tài sản thuê, thanh toán tiền cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC.

- Bà Trần Thị HB và bà Trần NP phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC trong trường hợp Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP không thanh toán đủ số tiền trên cho Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC.

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay).

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **80.943.484** (*tám mươi triệu chín trăm bốn mươi ba ngàn bốn trăm tám mươi bốn*) đồng.

- Công ty TNHH Cho thuê tài chính QTC không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp **36.390.000** đồng (*theo Biên lai thu tiền số AB/2011/04774 ngày 10/10/2014 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N*).

- Công ty TNHH Bao bì nhựa ĐP phải chịu án phí dân sự phúc thẩm là **2.000.000** (*hai triệu*) đồng, căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng (*theo Biên lai thu tiền số AC/2012/08586 ngày 14/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N*).

3. Bản án này có hiệu lực pháp luật ngay.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTC;
- TAND cấp cao;
- VKSND cấp cao;
- VKSND TPHCM;
- TAND quận N;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS N;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Công Phú